

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 225/2024/DS-ST

Ngày: 16/09/2024

“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng, bà Trần Thị Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Diễm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2024/TLST-DS ngày 9/04/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2024/QĐXXST-DS ngày 08/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 328/2024/QĐST-DS ngày 27/08/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Cao T, sinh năm 2001

Địa chỉ: A L, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1993, bà Phan Thị P, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Số H N, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. (Ông T1 vắng mặt, bà Phan Thị P có đơn xin giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Trần Cao T trình bày:

Do có quan hệ quen biết với nhau nên vợ chồng anh Nguyễn Đức T1, chị Phan Thị P có đặt vấn đề vay của anh Nguyễn Thanh H số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) để lo công việc gia đình. Vì tin tưởng là chỗ quen biết với nhau nên anh H đã đồng ý cho vợ chồng anh T1, chị P vay số tiền 260.000.000 đồng vào ngày 12/11/2022, thời hạn vay là 01 năm (Từ ngày 12/11/2022 đến ngày 12/11/2023) và không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ, vợ chồng anh T1 tiếp tục xin anh H gia hạn đến ngày 21/3/2024 sẽ trả dứt điểm. Tuy nhiên, cho đến nay anh H đã nhiều lần thông báo qua điện thoại cũng như gặp trực tiếp vợ chồng anh T1, chị P để đòi nợ nhưng anh T1, chị P đều cố tình, chây lỳ không chịu trả nợ cho anh H theo đúng cam kết. Xét thấy, việc vợ chồng anh Nguyễn Đức T1, chị Phan Thị P vi phạm cam kết về nghĩa vụ trả nợ theo Giấy vay tiền lập ngày 19/01/2023 là hành vi trái pháp luật và xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của anh Nguyễn Thanh H. Vì vậy, nay anh Nguyễn Thanh H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau: Buộc anh Nguyễn Đức T1, chị Phan Thị P phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh H số tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng và lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm, kể từ ngày 22/3/2024 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án, ngày 16/9/2024. Lãi suất tạm tính là 12.855.000 đồng.

\* Quá trình làm việc tại toà án bị đơn chị Phan Thị P trình bày: Đối với giấy vay tiền ngày 19/01/2023 giữa ông Nguyễn Đức T1 và ông Nguyễn Thanh H bà P hoàn toàn không biết, việc ông T1 vay tiền của ông thì ông T1 không nói cho bà P, bà P không sử dụng chung số tiền này với ông T1. Năm 2023 khi ông H lên nhà bà P nói chuyện thì bà P mới biết ông T1 có vay tiền của ông H. Khi bà P hỏi ông T1 thì ông T1 nói ông T1 vay sử dụng việc cá nhân. Do bà P không vay tiền của ông H ả nên bà P không chấp nhận việc khởi kiện của ông H. Đề nghị ông H làm việc với ông T1, còn bà P không liên quan.

\* Bị đơn Nguyễn Đức T1 đã được toà án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không lên toà án làm việc nên không tiến hành hoà giải được.

\* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H. Buộc ông Nguyễn Đức T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thanh H số tiền là 260.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm kể từ ngày 22/3/2024.

Bị đơn ông Nguyễn Đức T1 còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền gốc kể từ ngày xét xử cho đến khi trả nợ xong.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thanh H về việc buộc bà Phan Thị P cùng trả nợ.

Về chi phí tố tụng và án phí: Bị đơn ông Nguyễn Đức T1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Tp., tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị P có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn Nguyễn Đức T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Căn cứ Giấy vay tiền đề ngày 19/01/2023 với nội dung thể hiện ông Nguyễn Đức T1 vay của ông Nguyễn Thanh H số tiền 260 triệu đồng từ ngày 12/11/2022. Đến ngày 19/01/2023 ông T1 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 21/3/2024. Trong giấy vay tiền thể hiện người vay tiền chỉ có 01 người đứng tên là ông Nguyễn Đức T1, người ký tên vay là ông T1, người hẹn thời gian trả nợ vào ngày 21/3/2024 là do ông T1 ghi nội dung và ký tên. Trong giấy vay không thể hiện có chữ ký của bà P. Quá trình làm việc tại Tòa án bà P trình bày không biết gì đến khoản vay này giữa ông T1 và ông H. Do đó, không có căn cứ xác định bà phụng có biết và sử dụng chung khoản tiền vay của ông T1.

Kết quả giám định chữ ký số 943/KL-KTHS ngày 16/7/2024 của Phòng K công an tỉnh Đ thể hiện: “Chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Đức T1 dưới mục “Bên vay” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Đức T1 trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M2, do cùng một người ký và viết ra.

Việc ông T1 và ông H có lập giấy mượn tiền là có thật, khi viết giấy vay tiền các bên có đủ năng lực hành vi dân sự. Nay đã quá hạn trả nợ, nhưng bị đơn ông T1 không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Đ phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H số tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng là phù hợp. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Phan Thị P có trách nhiệm cùng ông Nguyễn Đức T1 trả nợ.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định của pháp luật trên số nợ gốc với lãi suất 10%/năm kể từ ngày 22/3/2024 cho đến ngày xét xử. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 357, 468 BLDS. Cụ thể:  $260.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 178 \text{ ngày (từ ngày 22/3/2024 - ngày xét xử 16/9/2024)} = 12.855.000 \text{ đồng (làm tròn)}$ .

[4] Về chi phí giám định: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn Nguyễn Đức T1 phải chịu chi phí giám định chữ ký là 5.400.000 đồng. Ông Nguyễn Thanh H được nhận lại số tiền 5.400.000 đồng sau khi thu của ông Nguyễn Đức T1.

[5]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Đức T1 phải án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 160, 161; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H.

Buộc ông Nguyễn Đức T1 hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H tổng số tiền 272.855.000 đồng. Trong đó tiền gốc là: 260.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.855.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về chi phí tố tụng: Bị đơn Nguyễn Đức T1 phải chịu chi phí giám định chữ ký là 5.400.000 đồng. Ông Nguyễn Thanh H được nhận lại số tiền 5.400.000 đồng sau khi thu của ông Nguyễn Đức T1.

[3] Án phí: Bị đơn ông Nguyễn Đức T1 phải chịu 13.642.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H số tiền 6.507.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009807 ngày 04/04/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Tp. Buôn Ma Thuột,
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS  
Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trần Đôn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TÒA**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Nguyễn Trần Đôn**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TÒA**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Nguyễn Trần Đ1**